

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ
của UBND thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1563/STNMT-CCBVMТ ngày 15/05/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1070/UBND ngày 01/7/2024 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 882/TTr-STNMT ngày 18/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Hậu và Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND các xã: Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY CẤP NƯỚC SINH HOẠT NHƠN HẬU – NHƠN MỸ
CỦA UBND THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ.
- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Hậu và xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: Số 78, đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Xây dựng nhà máy xử lý nước cấp công suất 5.000 m³/ngày.đêm.
- Cấp nước sạch đảm bảo lưu lượng, chất lượng (theo QCVN 01-1-BYT của Bộ Y tế theo và QCDP 01:2022/BD của tỉnh Bình Định) cho khoảng 27.201 người (tính đến năm 2040).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án:

a) Các hạng mục công trình hiện hữu

Gồm 05 giếng khai thác nước ngầm. Công suất khai thác của 05 giếng khoan là 2.950 m³/ngày (mỗi giếng lắp một bơm chìm Q = 29 m³/h, H = 32m, N = 4Kw).

b) Các hạng mục công trình đầu tư mới

- Giai đoạn 1
 - + Xây dựng nền móng cụm bể lọc, kích thước BxH = (6,5 x 14,1)m.
 - + Xây dựng bể chứa nước sạch 600 m³.
 - + Xây dựng 02 hố lắng bùn, kích thước mỗi hồ 189 m².
 - + Xây dựng nhà trạm bơm cấp 2; nhà khử trùng Clo.
 - + Xây dựng tuyến ống chuyển tải nước sạch có chiều dài 54.284,5 m.
- Giai đoạn 2
 - + Trạm bơm nước thô: lắp đặt 02 giếng khơi có công suất 2.500 m³/ngày (khai thác nước mặt sông Cái (Đập Đá)) để thu nước; lắp đặt 02 máy bơm; xây dựng tuyến ống thu nước thô chiều dài là 350 m.

+ Nhà máy xử lý nước: Nâng công suất 2.500 m³/ngày lên 5.000 m³/ngày.

+ Các hạng mục chính gồm: Xây dựng nền móng cụm xử lý (giai đoạn 2), có kích thước BxH = (6,8 x 11)m; bể chứa nước sạch 600 m³, 02 sân phơi bùn, kích thước: sân 1: 562,62 m², sân 2 544,87 m²; xây dựng tuyến ống chuyển tải nước sạch có chiều dài tuyến 16.614,34 m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: trong giai đoạn thi công bố trí 01 công trường với tổng diện tích khoảng 200 m², 01 bãi thải diện tích 500 m².

- Giai đoạn 1: xây dựng nhà kho; nhà máy phát điện dự phòng; nhà quản lý; nhà để xe; nhà bảo vệ, nhà ở nhân viên.

- Giai đoạn 2: xây dựng bãi đậu xe; kho chứa vật tư.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống sân nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống cây xanh, thảm cỏ, sân tập thể dục, thể thao, tường rào, cổng ngõ.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: 01 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Xây dựng 02 nhà vệ sinh, có bể tự hoại 3 ngăn.

+ Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực nhà làm việc và nhà ở nhân viên.

+ 01 kho chứa CTNH có diện tích 8 m² tại nhà kho phía Tây Nam Dự án.

+ Tổng diện tích cây xanh khoảng 2.091,53 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san nền: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công, vận chuyển.

- Hoạt động thi công xây dựng tại khu khai thác nước thô, thi công tuyến đường ống đưa nước từ trạm khai thác nước thô về nhà máy, cụm xử lý nước mặt, tuyến đường ống cấp nước: phát sinh nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Ảnh hưởng đến người dân trên tuyến đường vận chuyển, tiếng ồn từ máy bơm nước, từ các thiết bị của nhà máy hưởng đến người dân xung quanh.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chứa cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động của dự án:

- Giai đoạn 1:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải sản xuất của nhà máy bao gồm: Nước thải rửa lọc 60m³/lần (1 ngày/lần), nước súc rửa đường ống khoảng 400 – 450 m³/lần (1-2 lần/năm) và nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng khoảng 50-60 m³/lần (2 tuần/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

- Giai đoạn 2:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải sản xuất của nhà máy bao gồm: Nước thải rửa lọc 50m³/lần (1 ngày/lần), nước súc rửa đường ống khoảng 200 – 250 m³/lần (1-2 lần/năm) và nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng khoảng 60-70 m³/lần (2 tuần/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục

công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 13,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

+ Sinh khối thực vật trong quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 20 m³.

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh khối lượng khoảng 10-20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

+ Xà bần phát sinh từ việc cắt bỏ các đoạn bê tông xi măng trong quá trình thực hiện dự án khoảng 612,5 m³.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Giai đoạn 1:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước khoảng 200 kg/ngày.

- Giai đoạn 2:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước khoảng 199,15 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng....) với khối lượng khoảng 7 kg trong suốt thời gian thi công.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Giai đoạn 1: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, bao bì đựng hóa chất,...) với khối lượng khoảng 12,5 kg/năm.

- Giai đoạn 2: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, bao bì đựng hóa chất,...) với khối lượng khoảng 12,5 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng lân cận và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển trong suốt quá trình thi công.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: bố trí bể lắng tạm để thu gom và lắng cặn nước thải trước khi tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu.

b) Giai đoạn hoạt động

- Giai đoạn 1:

+ Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải rửa lọc và nước thải sau lắng bùn sẽ được tuần hoàn về tháp oxy hóa để tiếp tục xử lý.

+ Nước mưa chảy tràn: Toàn bộ lưu vực có hướng dốc địa hình tự nhiên từ hướng Tây sang Đông. Nước mưa thoát theo hệ thống mương bê tông đan B400, cống BTLT D600, mương hở quanh khu đất toàn bộ thu nước B640 và đầu nối về cửa xả hướng Đông khu quy hoạch và xả vào mương bê tông hiện trạng.

- Giai đoạn 2:

+ Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh hiện có đầu tư giai đoạn 1.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải rửa lọc và nước thải sau lắng bùn sẽ được tuần hoàn về thiết bị trộn MPI để tiếp tục xử lý; nước thải từ sân phơi bùn sẽ được thu gom về bể lắng bùn để xử lý, không thải ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn: sử dụng hệ thống thu gom thoát nước mưa giai đoạn 1 đã đầu tư.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chở đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bảo quản hóa chất tại phòng hóa chất theo quy định. Thường xuyên kiểm tra an toàn và rò rỉ hóa chất.

- Chăm sóc và trồng thêm cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Thường xuyên vệ sinh nhà vệ sinh và khuôn viên Nhà máy.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

- + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- + Xà bần bóc bỏ các đoạn BTXM để thi công đường ống nước phát sinh được vận chuyển đổ thải tại thửa đất 316 có diện tích 8.710 m², tờ bản đồ số 6, tại Hàm đá thuộc thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu. Diện tích bãi thải khoảng 500 m² cách Dự án khoảng 15 km, khối lượng đất, xà bần vận chuyển đổ thải là 612,552 m³, chiều cao đổ thải khoảng 1,5 m.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại khuôn viên nhà máy. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không

chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp của nhà máy, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Tại công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được phân loại, lưu chứa trong các thùng riêng và dán nhãn nhận biết theo quy định và lưu chứa trong khu vực lưu chứa CTNH của Nhà máy, diện tích 8 m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Lưu trữ toàn bộ chứng từ liên quan đến quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công để người dân xung quanh được biết.

- Nếu đề xảy ra hư hỏng đường hoặc nhà dân, Chủ đầu tư sẽ có phương án đền bù, xử lý phù hợp.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan

chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bơm nước tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại trung tâm Khu dân cư hiện trạng phía Tây (tọa độ X: 1.538.098; Y: 588.809, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát các sự cố sạt lở, bồi lắng của khu vực khai thác nước thô
 - Vị trí giám sát: Tại hai bên bờ sông Cái (Đập Đá) dọc quanh điểm thu nước.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/ lần.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước ngầm, nước mặt

a) Giám sát chất lượng nước ngầm

- Vị trí giám sát: 05 vị trí

+ Giếng 1 (tọa độ X: 1.537.788,52; Y: 589.242,75, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ Giếng 2 (tọa độ X: 1.537.802,64; Y: 589.411,88, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ Giếng 3 (tọa độ X: 1.537.853,07; Y: 589.497,28, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ Giếng 4 (tọa độ X: 1.537.881,96; Y: 589.555,03, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ Giếng 5 (tọa độ X: 1.537.932,37; Y: 589.637,10, hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: pH, Tổng Coliform, Nitrate (NO_3^- tính theo Nito), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Chỉ số permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng (tính theo CaCO_3), Arsenic (As), Chloride (Cl^-), Sắt (Ferrum) (Fe), Mangan (Mn), Sulfate (SO_4^{2-}).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT.

b) Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

+ 01 vị trí cách giếng khơi về phía thượng lưu 200m (tọa độ X: 1.537.864; Y: 588.656 hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ 01 vị trí cách giếng khơi về phía hạ lưu 200m (tọa độ X: 1.537.727; Y: 589.152 hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

+ 01 vị trí giếng khơi điểm lấy nước (tọa độ X: 1.537.839; Y: 588.896 hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: pH, Tổng Coliform, Nitrit (NO_2^- tính theo N), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Fluoride (F^-), TSS, Arsenic (As), Chloride (Cl^-), Sắt (Ferrum) (Fe), Mangan (Mn), Chất hoạt động bề mặt anion.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.